

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững.
2. Ông Nguyễn Thanh An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lại Tam T, sinh năm: 1976; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1979. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lại Tam T trình bày:

Ông T và bà H cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/8/2011. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T sống chung gia đình cha mẹ bà H. Nguyên nhân ông T xin ly hôn là do bà H thường xuyên không tôn trọng ông, thỉnh thoảng còn có ý đuổi ông ra khỏi nhà. Mặt khác, gia đình bà H không xem trọng ông. Mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ kinh tế gia đình khiến ông T không còn tình cảm với bà H. Hiện ông T và bà H không còn sống chung nhà. Trong thời gian không sống chung, ông T, bà H không có giải pháp đoàn tụ. Hiện ông T xét thấy do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có con chung là Lại Nguyễn Gia H1, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cháu H1 đang sống chung với bà H từ khi ông T bỏ đi. Điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu H1 đã ổn định. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông T đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con, mức cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Nợ chung, tài sản chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày trong bản tự khai đề ngày 06/8/2011: Năm 2011, bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/8/2011. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Bà H không đồng ý với những nguyên nhân mâu thuẫn mà ông T trình bày. Bà xác định bà không có lỗi trong đời sống vợ chồng, làm tròn bổn phận người vợ, người mẹ. Qua yêu cầu xin ly hôn của ông T, bà không đồng ý vì bà muốn hàn gắn, đoàn tụ, bà thương chồng, thương con.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có con chung là Lại Nguyễn Gia H1, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cháu H1 đang sống chung với bà H từ khi ông T bỏ đi. Điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu H1 đã ổn định. Do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến con chung. Bà muốn con chung sống trong tình yêu thương của cha mẹ.

Nợ chung, tài sản chung: Không có.

Toà án đã hoà giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 12/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp thì anh Lại Tam T và chị Nguyễn Thị Cẩm H là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Anh T và chị H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Nguyên nhân ông T xin ly hôn là do bà H thường xuyên không tôn trọng ông, thỉnh thoảng còn có ý đuổi ông ra khỏi nhà. Mặt khác, gia đình bà H không xem trọng ông T. Mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ kinh

tế gia đình khiến ông T không còn tình cảm với bà H. Bà H cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn tốt đẹp, mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà H trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau. Tòa án tiến hành hòa giải để ông T, bà H có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng bà H không đến. Tòa án có triệu tập bà H tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, để tiến hành đối chất để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng, nhưng bà H không tham dự. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp cũng như những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Ông Lại Tam T trình bày hiện ông T, bà H không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Bà H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh thiện chí của bà về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông T, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Lại Tam T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có con chung là Lại Nguyễn Gia H1, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cháu H1 đang sống chung với bà H từ khi ông T bỏ đi. Điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu đã ổn định. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con, mức cấp dưỡng tự thỏa thuận. Bà H không có ý kiến về con chung. Nguyên vọng của cháu H1 là muốn được sống chung với cha và mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu H1 đang sống chung với bà H từ thời điểm ông T, bà H không sống chung. Hội đồng xét xử xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Nguyễn Thị Cẩm H đáp ứng đủ điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ; sự quan tâm của cha, mẹ đối với con; bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con, nên xác định bà H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lại Nguyễn Gia H2, sinh ngày 04/10/2014.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà H xác định không có.

[3] Về án phí: Ông Lại Tam T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013165, ngày 11/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Tam T đối với bà Nguyễn Thị Cẩm H.

1. *Về hôn nhân*: Ông Lại Tam T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Nguyễn Gia H2, sinh ngày 04/10/2014.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí*: Ông Lại Tam T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013165, ngày 11/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh V